

Số: 15A/2019/QĐST - DS

Hiệp Hòa, ngày 04 tháng 09 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 104/2019/TLST- DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”..

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến S, sinh năm 1963

Địa chỉ: khu 4, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Hà Văn D, sinh năm 1966

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Thôn S Giao, xã Ngọc S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và N vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị N, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang.

- Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1974

- Chị Đào Thị X, sinh năm 1981

Cùng Địa chỉ: Thôn S Giao, xã Ngọc S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các bên đương sự đều thống nhất đề nghị Tòa án công nhận số tiền ông D, bà K còn nợ lại vợ chồng ông S, bà N tính đến ngày 27/8/2019 với tổng số tiền là 780.000.000đ và cùng thống nhất vợ chồng ông D, bà K trả cho vợ chồng ông S, bà N số tiền nợ là 780.000.000đ và lãi suất 20%/năm kể từ ngày 27/8/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Tiến trình trả nợ cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 27/11/2019 dương lịch (tức ngày 29/10/2019 âm lịch) Ông D, bà K phải trả cho vợ chồng ông S, bà N số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng, tiền lãi là 39.078.000đồng. Tổng là 139.078.000đồng. Ông D, bà K còn nợ lại 680.000.000đ tiền gốc.

+ Lần 2: Ngày 27/03/2020 dương lịch (tức ngày 04/3/2020 âm lịch) Ông D, bà K phải trả cho vợ chồng ông S, bà N số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng, tiền lãi là 45.424.000đồng. Tổng là 145.424.000đồng. Ông D, bà K còn nợ lại 580.000.000đ tiền gốc.

+ Lần 3: Ngày 27/06/2020 dương lịch (tức ngày 07/5/2020 âm lịch) Ông D, bà K phải trả cho vợ chồng ông S, bà N số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng, tiền lãi là 29.058.000đồng. Tổng là 129.058.000đồng. Ông D, bà K còn nợ lại 480.000.000đ tiền gốc.

+ Lần 4: Ngày 27/09/2020 dương lịch (tức ngày 11/8/2020 âm lịch) Ông D, bà K phải trả cho vợ chồng ông S, bà N số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng, tiền lãi là 24.048.000đồng. Tổng 124.048.000đồng. ông D, bà K còn nợ lại 380.000.000đ tiền gốc.

+ Lần 5: Ngày 27/12/2020 dương lịch (tức ngày 14/11/2020 âm lịch) Ông D, bà K phải trả cho vợ chồng ông S, bà N số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng, tiền lãi là 19.038.000đồng. Tổng là 119.038.000đồng. Ông D, bà K còn nợ lại 280.000.000đ tiền gốc.

+ Lần 6: Ngày 27/04/2021 dương lịch (tức ngày 16/03/2021 âm lịch) Ông D, bà K phải trả cho vợ chồng ông S, bà N số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng, tiền lãi là 18.704.000 đồng. Tổng là 118.704.000đồng. Ông D, bà K còn nợ lại 180.000.000đ tiền gốc.

+ Lần 7: Ngày 27/07/2021 dương lịch (tức ngày 18/06/2021 âm lịch) Ông D, bà K phải trả cho vợ chồng ông S, bà N số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng, tiền lãi là 9.018.000đồng. Tổng là 109.018.000đồng. Ông D, bà K còn nợ lại 80.000.000đ tiền gốc.

+ Lần 8: Ngày 27/10/2021 dương lịch (tức ngày 22/9/2021 âm lịch) Ông D, bà K phải trả cho vợ chồng ông S, bà N số tiền nợ gốc là 80.000.000đồng, tiền lãi là 4.008.000đồng. Tổng là 84.008.000đồng.

Các bên đương sự cùng thống nhất: vợ chồng ông S, bà N phải trả lại cho vợ chồng ông D, bà K 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 125424, sổ vào sổ cấp giấy: 002846 được Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa cấp ngày 27/05/2010 với diện tích là 860m² mang tên ông Hà Văn D.

Các bên đương sự cùng thống nhất: Nếu đến hạn trong các lần trả nợ đã ghi rõ ngày tháng mà vợ chồng ông D, bà K không trả tiền cho ông S, bà N thì vợ chồng ông S, bà N đều có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án buộc vợ chồng ông D, bà K phải có N vụ trả cho vợ chồng ông S, bà N hết số tiền nợ gốc còn lại. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất do hai bên đã thỏa thuận là 20%/năm của số tiền gốc chưa thanh toán.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng Ông Nguyễn Tiến S, bà Ngô Thị N và và vợ chồng anh Hà Văn D, chị Nguyễn Thị K ; vợ chồng anh Hà Văn Đ và chị Đào Thị X thỏa thuận vợ chồng anh Hà Văn D và chị Nguyễn Thị K cùng liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 17.600.000 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Hoàn trả ông Nguyễn Tiến S số tiền 15.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000283 ngày 06/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được ban hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS h. Hiệp Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Hương Lan